

BẢO ĐẢM CÁC ĐIỀU KIỆN XÂY DỰNG NỀN KINH TẾ CÁC BON THẤP, THỰC HIỆN MỤC TIÊU PHÁT THẢI RÒNG BẰNG KHÔNG VÀO NĂM 2050

★ TS TRƯƠNG THỊ MỸ NHÂN

★ PGS, TS ĐINH THỊ NGÀ

*Viện Kinh tế - Xã hội và Môi trường,
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh*

DOI: <https://doi.org/10.70786/LLCT.581.2026.158>

● **Tóm tắt:** Đại hội XIV chỉ rõ: “Xây dựng, hoàn thiện thể chế bảo vệ môi trường sinh thái với phương châm “không đánh đổi môi trường lấy tăng trưởng kinh tế”, phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế các bon thấp...”. Để thực hiện thành công mục tiêu đó, Việt Nam cần bảo đảm các điều kiện về thể chế, chính sách, huy động đa dạng các nguồn lực, đặc biệt là nguồn tài chính xanh; đồng thời, xác lập mô hình tăng trưởng mới gắn tăng trưởng với công bằng xã hội và bảo vệ môi trường, ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu.

● **Từ khóa:** nền kinh tế các bon thấp; net zero; COP 26.

Ensuring conditions for building a low-carbon economy and achieving the Net Zero target by 2050

● **Abstract:** The 14th National Party Congress clearly stated: “Build and perfect institutions for ecological environmental protection with the motto ‘not trading the environment for economic growth’, develop a green economy, circular economy, and low-carbon economy...”. To successfully implement that goal, Vietnam needs to ensure conditions regarding institutions and policies, mobilize diverse resources, especially green financial sources; simultaneously, establish a new growth model linking growth with social justice and environmental protection, effectively responding to climate change.

● **Keywords:** low-carbon economy; net zero; COP 26.

1. Mở đầu

Nền kinh tế các bon thấp⁽¹⁾ là kết quả của quá trình khử các bon, lần đầu tiên được chính phủ Anh công nhận chính thức vào năm 2003. Ban đầu, khái niệm này được sử dụng để mô tả một kịch bản lý tưởng nhằm giảm lượng khí thải CO₂ quốc gia xuống mức thấp và hiện nay cách hiểu

này vẫn được sử dụng. Tuy nhiên, mức phát thải “thấp” chính xác phải đạt được như thế nào thì

⁽¹⁾ Một số nghiên cứu đề cập đến nền kinh tế các bon thấp như: nền kinh tế khử các bon, quá trình chuyển đổi các bon, phát triển các bon thấp, trung hòa các bon, phát thải các bon ròng bằng không và dấu chân các bon.

chưa có nghiên cứu nào nêu rõ, nhưng có thể hiểu rằng: nền kinh tế các bon thấp là một nền kinh tế “tách rời” hoặc “khử” lượng khí thải nhà kính khỏi tăng trưởng kinh tế và mục đích cuối cùng là lượng khí thải sẽ giảm xuống bằng không (Grainger, A., & Smith, G., 2021, p.164-189).

Theo Ủy ban Liên chính phủ về Biến đổi khí hậu (IPCC), phát thải ròng bằng không là “Khi lượng phát thải CO₂ do con người gây ra được cân bằng trên toàn cầu bằng cách loại bỏ CO₂ trong một khoảng thời gian nhất định”. Nói cách khác, ở cấp độ toàn cầu, cần đạt được sự cân bằng giữa lượng khí nhà kính con người đưa vào bầu khí quyển với lượng khí nhà kính thải ra khỏi bầu khí quyển. Net zero (phát thải ròng bằng 0) là cắt giảm lượng phát thải khí nhà kính xuống gần không. Tiến tới mức phát thải ròng bằng không có nghĩa là chúng ta vẫn có thể phát thải vào bầu khí quyển một lượng khí nhà kính, tuy nhiên lượng khí thải còn lại cũng phải được hấp thụ lại vào bầu khí quyển, như bởi đại dương và rừng hoặc sử dụng các công nghệ thu hồi (Huỳnh Thị Lan Hương, 2021).

Là một trong những quốc gia chịu tác động mạnh của biến đổi khí hậu, Việt Nam xác định rõ quan điểm “Phát triển nhanh và bền vững dựa trên khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số”, đồng thời “Chủ động giám sát, ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu; phát triển kinh tế xanh, ít chất thải, giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, cácbon thấp; khuyến khích phát triển mô hình kinh tế tuần hoàn để sử dụng tổng hợp và hiệu quả đầu ra của quá trình sản xuất” (ĐCSVN, 2021, tr.275). Đây là con đường tất yếu, mục tiêu lâu dài, và là quan điểm nhất quán trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu, cạn kiệt tài nguyên. Trong đó, ứng phó với biến đổi khí hậu là một trong những nội

dung trọng tâm, bao gồm: chủ động thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu, giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và phát triển kinh tế các bon thấp.

2. Nội dung

2.1. Quan điểm và các điều kiện để xây dựng nền kinh tế các bon thấp, thực hiện mục tiêu đưa phát thải ròng về bằng không vào năm 2050

a) Quan điểm

Xây dựng nền kinh tế các bon thấp là yêu cầu bắt buộc giúp Việt Nam xác lập, không ngừng gia tăng vị thế trong các chuỗi giá trị xanh toàn cầu; đồng thời bảo đảm tính công bằng, bền vững về mặt xã hội - môi trường và theo đuổi các cơ hội kinh tế lớn hơn trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.

Thực hiện mục tiêu tăng trưởng ở mức cao (hai con số), song phải bảo vệ môi trường và hệ sinh thái. Trong đó, tăng trưởng xanh, chuyển đổi năng lượng là phương thức, khoa học công nghệ, chuyển đổi số là nền tảng và động lực thực hiện mục tiêu đưa phát thải ròng về bằng 0 vào năm 2050.

Huy động tối đa các nguồn lực trong và ngoài nước, chú trọng thu hút các nguồn vốn trong dân, nguồn đầu tư từ khu vực kinh tế tư nhân trong nước.

Cộng đồng doanh nghiệp đóng vai trò quan trọng, mang tính quyết định trong thực hiện mục tiêu đưa phát thải ròng về bằng 0 vào năm 2050.

b) Điều kiện để xây dựng nền kinh tế các bon thấp, hướng đến thực hiện mục tiêu đưa phát thải ròng bằng không vào năm 2050

Lý thuyết và các nghiên cứu thực tiễn về nền kinh tế các bon thấp của IPCC, Sam Fankhauser và cộng sự (Fankhauser, S. & cộng sự, 2021), Gaurav Ganti, Thomas Gasser, Mai Bui, Oliver Geden và cộng sự (Ganti, G. & cộng sự,

2024)... đều cho thấy, để thực hiện mục tiêu đưa phát thải ròng về bằng không, cần: (i) tăng tốc quá trình chuyển đổi sang năng lượng tái tạo, đồng thời giảm thiểu sự phụ thuộc vào nhiên liệu hóa thạch; (ii) Quản lý nhu cầu năng lượng hiệu quả hơn thông qua áp dụng các công nghệ tiết kiệm năng lượng và thay đổi thói quen tiêu dùng và (iii) Thực hiện chuyển đổi công bằng, trong đó các nước phát triển hỗ trợ các nước đang phát triển về tài chính và công nghệ để phát triển kinh tế xanh. Nói cách khác, để xây dựng nền kinh tế các bon thấp, hướng đến mục tiêu phát thải ròng về không cần được bảo đảm bằng hệ thống thể chế, chính sách đồng bộ nhằm tạo điều kiện chuyển đổi xanh; đồng thời, đòi hỏi nguồn lực tài chính dồi dào và công nghệ hiện đại, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế cũng như thiết lập được một mô hình tăng trưởng gắn với cơ cấu kinh tế xanh.

Thứ nhất, điều kiện xác lập mô hình tăng trưởng kinh tế gắn với nền kinh tế xanh và bền vững

Xác lập mô hình tăng trưởng gắn với phát triển các ngành kinh tế xanh có giá trị gia tăng cao, phát thải thấp, thúc đẩy nền kinh tế tuần hoàn, hạn chế lệ thuộc vào tài nguyên hóa thạch là điều kiện tiên quyết để xây dựng nền kinh tế các bon thấp, hướng đến mục tiêu phát thải ròng bằng không vào năm 2050. Mô hình tăng trưởng xanh, bền vững vừa tách tăng trưởng khỏi phát thải, vừa duy trì năng suất lao động và sức bền thể chế, gia tăng khả năng chống chịu của nền kinh tế và quản trị rủi ro khí hậu, tạo động lực đổi mới sáng tạo và mở ra không gian tăng trưởng mới.

Thứ hai, điều kiện về nguồn lực

Nền kinh tế các bon thấp liên quan trực tiếp đến việc sử dụng công nghệ tiên tiến thân thiện với môi trường, công nghệ xanh, công nghệ tiết kiệm năng lượng, phát triển năng lượng tái tạo thay thế dần các nguồn năng lượng hóa thạch

như than đá, dầu mỏ. Vì thế, đòi hỏi phải xây dựng cơ chế tài chính xanh nhằm huy động tối đa nguồn lực tài chính trong và ngoài nước, khuyến khích đầu tư vào các ngành, lĩnh vực kinh tế xanh, giảm phát thải khí nhà kính. Chú trọng nghiên cứu, đầu tư và chuyển giao công nghệ các bon thấp, đầu tư vào hạ tầng xanh, giao thông và công nghệ lưu trữ năng lượng. Đồng thời, phát triển nguồn nhân lực có chất lượng, bảo đảm cả về số lượng và cơ cấu, đáp ứng yêu cầu phát triển nền kinh tế các bon thấp.

Thứ ba, điều kiện về công nghệ

Nền kinh tế các bon thấp là nền kinh tế sử dụng công nghệ ít phát thải các bon, đồng thời tối ưu hóa việc sử dụng năng lượng và tài nguyên để giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường. Để làm được điều này, cần phát triển và ứng dụng công nghệ tiên tiến như năng lượng tái tạo, công nghệ thu giữ và lưu trữ các bon, công nghệ tiết kiệm năng lượng giúp giảm phát thải, công nghệ sạch trong ngành giao thông vận tải (xe điện, hydro) và công nghệ số (AI, dữ liệu lớn) nhằm tối ưu hóa quản lý năng lượng và giảm thiểu lãng phí. Đầu tư vào nghiên cứu và chuyển giao công nghệ là yếu tố then chốt để đạt được các mục tiêu phát thải thấp và bền vững.

Thứ tư, điều kiện về hội nhập quốc tế

Để xây dựng nền kinh tế các bon thấp và đạt mục tiêu net zero vào năm 2050, việc đáp ứng các điều kiện hội nhập quốc tế là yêu cầu bắt buộc. Hội nhập quốc tế không chỉ là yếu tố hỗ trợ mà còn là yếu tố ràng buộc để các quốc gia thực hiện chuyển đổi hiệu quả và đồng bộ sang nền kinh tế các bon thấp, thông qua tận dụng tối đa nguồn lực toàn cầu và rút ngắn lộ trình chuyển đổi. Theo đó, các quốc gia phải tham gia và thực hiện đầy đủ các cam kết toàn cầu về khí hậu, tiếp cận các nguồn lực tài chính từ các tổ chức quốc tế, thúc đẩy chuyển giao công nghệ

xanh và năng lượng tái tạo từ các quốc gia phát triển, tăng cường hợp tác quốc tế về nghiên cứu, đổi mới sáng tạo và hoàn thiện thể chế để tiếp cận mô hình tăng trưởng bền vững, hiện đại.

Thứ năm, điều kiện về thể chế, chính sách

Hoàn thiện thể chế, chính sách theo hướng cụ thể, minh bạch và đồng bộ là điều kiện tiên quyết để chuyển đổi và xây dựng nền kinh tế các bon thấp. Hệ thống pháp luật, thể chế, chính sách cần tạo cơ chế khuyến khích, ưu đãi đầu tư vào các dự án giảm phát thải khí nhà kính, thúc đẩy thị trường các bon trong nước và hội nhập quốc tế.

2.2. Thực trạng bảo đảm các điều kiện xây dựng nền kinh tế các bon thấp, thực hiện mục tiêu đưa phát thải ròng bằng không vào năm 2050 ở Việt Nam

a) Những kết quả đạt được

Thể chế, chính sách bảo đảm xây dựng nền kinh tế các bon thấp, hướng tới phát thải ròng bằng không vào năm 2050 ngày càng hoàn thiện, đồng bộ, bao quát hầu hết các lĩnh vực sản xuất và tiêu dùng

Khung pháp lý và các chính sách, pháp luật liên quan đến biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường, như: quản lý phát thải, phát triển thị trường các bon, cơ chế trao đổi và bù trừ tín chỉ các bon... ngày càng được hoàn thiện. Hiện có 23 địa phương triển khai các dịch vụ lưu trữ các bon và 06 địa phương được cấp phép mua, bán tín chỉ các bon, bao gồm: Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Thừa Thiên Huế, Quảng Bình và Quảng Trị (Đại Kim, 2025).

Các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước về tăng trưởng xanh, phát triển kinh tế tuần hoàn được ban hành tương đối đồng bộ, không chỉ tạo nền tảng vững chắc cho việc giảm phát thải khí nhà kính mà còn thúc đẩy quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế xanh,

bền vững. Đặc biệt, Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22-12-2024 về đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đã khơi thông điểm nghẽn về thể chế, chính sách, đưa khoa học - công nghệ trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp, góp phần thúc đẩy các cá nhân, doanh nghiệp nghiên cứu, ứng dụng công nghệ nhằm tăng năng suất lao động.

Các nguồn lực vốn, năng lượng tái tạo, công nghệ và nhân lực chất lượng cao phục vụ quá trình xanh hóa nền kinh tế, phát triển nền kinh tế các bon thấp ngày càng được gia tăng cả về quy mô, tỷ trọng và hiệu quả sử dụng

Cơ cấu năng lượng của Việt Nam có xu hướng chuyển dịch từ chỗ phụ thuộc vào nhiên liệu hóa thạch sang phát triển năng lượng tái tạo, thể hiện ở chỗ tỷ trọng dầu mỏ và khí thiên nhiên có xu hướng giảm nhanh, song song với việc tăng dần tỷ trọng nguồn năng lượng mới từ gió, năng lượng mặt trời và một số dạng năng lượng tái tạo khác.

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và vốn tư nhân trong nước dịch chuyển sang lĩnh vực năng lượng tái tạo để đón đầu các chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư xanh của Việt Nam⁽²⁾. Sự chuyển dịch của dòng vốn tài chính theo hướng “xanh” ngày càng diễn ra mạnh mẽ, có tiềm năng lớn. Tốc độ tăng trưởng tín dụng xanh đã vượt tốc độ tăng trưởng tín dụng bình quân, tỷ trọng tín dụng xanh trên tổng dư nợ tăng đáng kể (Nguyễn Phan Yến Phương, 2025).

Công nghệ ngày càng đóng vai trò quan trọng trong quá trình chuyển đổi xanh, từ việc tối ưu hóa quy trình sản xuất, giảm tiêu thụ năng

⁽²⁾ Theo Báo cáo Đầu tư Thế giới (UNCTAD, 2023), Việt Nam xếp thứ 2 trong 10 nền kinh tế đang phát triển có vốn đầu tư lớn từ nước ngoài trong lĩnh vực năng lượng tái tạo với giá trị khoảng 106,8 tỷ USD.

lượng, đến xây dựng hệ thống giám sát và đánh giá phát thải khí nhà kính, nhất là công nghệ phát điện và sử dụng năng lượng tái tạo.

Quá trình đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế gắn với cơ cấu lại nền kinh tế đã tạo ra các kết quả thực chất, thể hiện ở cả quy mô, tốc độ và chất lượng tăng trưởng kinh tế

Nền kinh tế Việt Nam phục hồi mạnh mẽ, với tốc độ tăng trưởng năm 2024 đạt 7,09%, quy mô nền kinh tế đạt 476,3 tỷ USD, đứng thứ 33 thế giới (Thư viện Pháp luật, 2025), cao thứ 4 trong khu vực Đông Nam Á, xếp trên Philippines (462 tỷ USD) và Malaixia (422 tỷ USD) (Hoàng Nguyễn, 2025). Kinh tế số duy trì tốc độ tăng trưởng hai con số. Tiềm năng đóng góp vào GDP của 02 ngành điện gió và điện mặt trời Việt Nam lên tới 70 - 80 tỷ USD, tạo khoảng 90 - 105.000 việc làm trực tiếp (Báo Chính phủ, 2023). Chất lượng tăng trưởng ngày càng được cải thiện theo hướng tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, nâng cao năng suất chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế (Phạm Minh Chính, 2024). Cơ cấu kinh tế dịch chuyển theo hướng tăng hàm lượng đóng góp của các ngành kinh tế áp dụng khoa học công nghệ hiện đại, ít gây ô nhiễm môi trường.

Hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng

Việt Nam là quốc gia có nền kinh tế có độ mở cao, nhiều năm liên tục xuất khẩu ròng. Mạng lưới FTA thế hệ mới tạo động lực thúc đẩy nội địa hóa tiêu chuẩn xanh, thu hút FDI chất lượng cao. Khung chính sách cho chuyển đổi xanh từng bước được hình thành, tiệm cận với quy định quốc tế.

b) Hạn chế

Lượng khí thải của Việt Nam đang có xu hướng gia tăng nhanh

Xét theo lĩnh vực, lượng phát thải khí nhà kính (KNK) trong các lĩnh vực năng lượng, nông

ng nghiệp, IP, chất thải đều có xu hướng tăng mạnh trong giai đoạn 2014 - 2030. Theo Ngân hàng Thế giới (WB), Việt Nam hiện đứng thứ 21 trên thế giới về lượng khí thải CO₂, chiếm khoảng 0,8% tổng lượng khí thải toàn cầu. Mặc dù không nằm trong số các nước phát thải lớn nhất, nhưng lượng khí thải của Việt Nam đang có xu hướng gia tăng nhanh (Đào Nhật Đình, 2024).

Việt Nam vẫn là nước tiêu tốn tài nguyên, phụ thuộc nhiên liệu hóa thạch, chi phí chuyển đổi cao, hiệu quả sử dụng đất đai và năng lượng thấp

Hiện nay, Việt Nam tiêu thụ khoảng 400kg dầu quy đổi để tạo ra 1.000 USD GDP. Con số này cao hơn Thái Lan 30% và 60% so với Malaixia. Một sản phẩm tại Thái Lan và Malaixia tạo ra tiêu tốn khoảng 1kWh điện, thì tại Việt Nam phải cần tới từ 1,5-2kWh điện (Huyền Vy, 2021), điều này cho thấy hiệu quả sử dụng năng lượng thấp. Việc khai thác các nguồn tài nguyên năng lượng truyền thống trong nước như dầu, khí, than, thủy điện đã tiệm cận đến mức giới hạn tiềm năng, trong khi mô hình sản xuất hiện tại vẫn phụ thuộc nhiều vào nhiên liệu hóa thạch. Từ một nước xuất khẩu ròng năng lượng, Việt Nam đã trở thành nước nhập khẩu ròng than đá.

Mục tiêu giảm phát thải và xây dựng nền kinh tế các bon thấp vẫn còn khoảng cách so với thực trạng phát triển kinh tế

Với những diễn biến khó lường của khí hậu, sự gia tăng của nhiệt độ trái đất, Việt Nam đã cam kết đạt phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050. Tuy nhiên trên thực tế, cường độ phát thải vẫn gia tăng theo tốc độ tăng trưởng công nghiệp, lộ trình giảm phát thải chưa rõ ràng và khả thi. Đây là những thách thức trong thực hiện mục tiêu phát triển hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với bảo vệ tài nguyên môi trường, phát triển bền vững của Việt Nam.

Mức độ chuyển đổi xanh của nền kinh tế thấp

Mức độ chuyển đổi xanh của Việt Nam còn thấp. Theo WB về chuyển đổi kép, giai đoạn 2017-2021, Việt Nam nắm giữ 15% trong tổng số 493 bằng sáng chế xanh, xếp sau Malaixia (51%) và Thái Lan (20%). Chỉ số tăng trưởng xanh của Việt Nam xếp thứ 73/245 quốc gia và 16/50 quốc gia châu Á (Lê Anh Tú, Lương Thanh Hải, 2024), cho thấy năng lực chuyển đổi xanh chưa tương xứng với yêu cầu phát triển.

c) Nguyên nhân của hạn chế

Thế chế vẫn là “điểm nghẽn” lớn, cản trở việc huy động, phân bổ, sử dụng hiệu quả các nguồn lực

Các cơ chế ưu đãi tài chính, tín dụng xanh, hỗ trợ chuyển giao công nghệ chưa được cụ thể hóa trong Nghị định 06, thiếu chế tài cụ thể đối với hành vi không thực hiện kiểm kê khí nhà kính; thiếu quy định chi tiết về cấp, giao dịch, kiểm tra và công nhận tín chỉ các bon; thiếu cơ chế minh bạch, chống gian lận trong giao dịch tín chỉ các bon... Bên cạnh đó, sau 5 năm thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW về khai thác, sử dụng các nguồn lực của nền kinh tế, nhiều nguồn lực mới chưa được đề cập, chính sách phải gánh quá nhiều mục tiêu, khiến việc phân bổ nguồn lực dàn trải (Hoàng Yến, 2024).

Nguồn lực đầu vào cho tăng trưởng xanh, chuyển đổi sang nền kinh tế các bon thấp còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu

Nguồn lực tài chính phục vụ đầu tư công nghệ, hạ tầng nhằm chuyển đổi sang nền kinh tế các bon thấp là rất lớn. Tuy nhiên, việc huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực chưa hiệu quả. Nguồn vốn để đổi mới công nghệ ít phát thải chủ yếu vẫn đến từ khu vực công. Nguồn nhân lực cho quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế các bon thấp còn thiếu cả về số lượng và chất lượng.

Nguồn lực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo còn hạn chế, chưa thực sự trở thành động lực cho mô hình tăng trưởng ít phát thải, tăng trưởng xanh do mức độ đầu tư cho R&D còn chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng đầu tư.

Việc đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế theo chiều sâu còn chậm, chủ yếu vẫn là mô hình tăng trưởng kinh tế chiều rộng, dựa nhiều vào vốn, lao động và thâm dụng tài nguyên hóa thạch

Mô hình tăng trưởng kinh tế dựa nhiều vào vốn, lao động, khai thác tài nguyên. Đóng góp của năng suất lao động vào tăng trưởng chủ yếu do chuyển dịch cơ cấu ngành, chưa phải do áp dụng khoa học - công nghệ làm gia tăng năng suất. Mô hình tiêu dùng và sản xuất của Việt Nam còn thâm dụng năng lượng cao và tạo nhiều chất thải không được tái chế - tái sử dụng; năng lực về vốn, phát triển công nghệ và sản xuất thiết bị còn hạn chế.

Các ngành kinh tế gây phát thải khí các bon cao vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu kinh tế của Việt Nam

Cơ cấu kinh tế chưa có sự thay đổi ngành nghề theo hướng tăng các ngành “sản xuất xanh”. Nhiều lĩnh vực vẫn sử dụng năng lượng với hiệu suất thấp, phát thải cao. Việc ứng dụng công nghệ mới nhằm giảm thải các bon trong các ngành, lĩnh vực còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu đặt ra trong bối cảnh chuyển đổi xanh và phát triển bền vững.

2.3. Một số kiến nghị và giải pháp thực hiện

a) Kiến nghị với Bộ Chính trị, Ban Bí thư

Một là, có chủ trương sửa đổi, bổ sung Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Trong đó nhấn mạnh yêu cầu mở rộng quy mô, đối tượng, phương thức hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa đầu tư công nghệ xanh, ít phát thải. Thực tiễn cho thấy, Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa được ban hành năm 2017, triển khai vào

năm 2018, song số lượng doanh nghiệp tiếp cận được các chính sách hỗ trợ còn khiêm tốn, hiệu quả chưa cao. Hơn nữa, sau khi Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22-12-2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia được ban hành cần có cơ chế hỗ trợ mạnh mẽ hơn về khoa học công nghệ, chuyển đổi số cho doanh nghiệp nhỏ và vừa cũng như hỗ trợ các doanh nghiệp nói chung đầu tư vào hạ tầng xanh.

Hai là, có chủ trương xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu số về các bon. Việt Nam chưa có dữ liệu số về các bon nên chưa có căn cứ để xác định hạn ngạch phát thải khí nhà kính, gây khó khăn cho việc kiểm tra, đánh giá. Vì thế, cần xây dựng dữ liệu số bảo đảm chất lượng, làm căn cứ xác định hạn ngạch phát thải khí nhà kính cho các doanh nghiệp, đặc biệt trong bối cảnh Việt Nam thúc đẩy tăng trưởng cao trong giai đoạn tới.

Ba là, ban hành nghị quyết về xác lập mô hình tăng trưởng gắn với cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng giảm phát thải, xanh, thông minh dựa trên nền tảng của khoa học công nghệ hiện đại, thực hiện mục tiêu tăng trưởng hai con số

Nghị quyết là bước xác lập mô hình tăng trưởng kinh tế mới, phù hợp với bối cảnh đẩy mạnh chuyển đổi kép. Trong đó, cần nêu rõ quan điểm về xây dựng mô hình tăng trưởng kinh tế dựa trên nâng cao năng suất lao động, xanh và thông minh; làm rõ hơn khái niệm chuyển đổi năng lượng, điện mặt trời, điện gió, điện hạt nhân; tăng cường các ngành nghề công nghệ cao, sử dụng ít năng lượng và hiệu quả, giảm quy mô các sản phẩm dùng nhiều năng lượng nhưng tạo ra giá trị GDP thấp như thép, xi măng cho mục đích xuất khẩu; khuyến khích và tiến tới quy định bắt buộc về sử dụng công nghệ tiết kiệm năng lượng trong mọi lĩnh vực.

Bốn là, tổng kết, đánh giá toàn diện việc thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15-01-2019 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế. Việt Nam đặt mục tiêu trở thành nước phát triển, thu nhập cao vào năm 2045, theo đó, nền kinh tế đạt mục tiêu tăng trưởng 8%/năm trong năm 2025 và tăng trưởng hai con số trong những năm tới, song vẫn phải bảo đảm hài hòa giữa kinh tế với xã hội và môi trường. Để đạt mục tiêu tăng trưởng này, cần có các chủ trương, cơ chế, chính sách tổng thể để huy động, khai thác, phân bổ, sử dụng, phát huy hiệu quả các nguồn lực; cần bổ sung các động lực mới (chuyển dịch năng lượng trong đó có hệ sinh thái hạt nhân, phát triển kinh tế tuần hoàn, phát triển thị trường các bon), thoát bẫy thu nhập trung bình, tăng năng suất lao động.

Năm là, chỉ đạo xây dựng và ban hành Chiến lược quốc gia về phát triển nhân lực chất lượng cao. Việt Nam đã có định hướng chính trị quan trọng về phát triển giáo dục và đào tạo tại Nghị quyết số 71-NQ/TW của Bộ Chính trị. Trên cơ sở đó, sau khi hoàn thành việc sắp xếp bộ máy hành chính và tổ chức chính quyền địa phương theo mô hình hai cấp, cần khẩn trương cụ thể hóa nghị quyết bằng việc xây dựng và triển khai Chiến lược quốc gia về phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; trong đó, quy định rõ các cơ chế, chính sách, nhất là chính sách tài chính, nhằm hỗ trợ các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu và trung tâm đổi mới sáng tạo trong phát triển nguồn nhân lực xanh, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi mô hình tăng trưởng và phát triển bền vững

Sáu là, chỉnh sửa, bổ sung Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội các vùng để khai thác lợi thế so sánh của các địa phương sau sắp xếp, sáp nhập. Năm 2024, Bộ Chính trị đã ban hành Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng

bằng Bắc Bộ, vùng trung du và miền núi phía Bắc, vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung, vùng Tây Nguyên, vùng Đông Nam Bộ, vùng đồng bằng sông Cửu Long theo địa giới hành chính cũ. Tuy nhiên, sau sắp xếp, sáp nhập các tỉnh, thành phố từ 63 tỉnh/thành xuống còn 34 tỉnh/thành, địa giới hành chính theo vùng kinh tế cũ đã thay đổi. Vì thế, cần sửa đổi trong quy hoạch phát triển kinh tế, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các vùng... làm căn cứ xây dựng mô hình tổ chức, cơ chế điều phối vùng để thực hiện liên kết nội vùng và thúc đẩy liên kết giữa các vùng, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực.

b) Kiến nghị với Quốc hội về hoàn thiện thể chế thúc đẩy chuyển đổi cơ cấu năng lượng và phát triển nền kinh tế các bon thấp

Một là, hoàn thiện pháp luật về kinh tế tuần hoàn

Hiện nay, pháp luật về kinh tế tuần hoàn vẫn khá manh mún, chưa tạo ra cơ sở pháp lý vững chắc để áp dụng trong thực tiễn, đặc biệt khi Việt Nam tham gia các hiệp định thương mại song phương như EVFTA. Trong khi đó, nhiều nước trên thế giới đã ban hành luật kinh tế tuần hoàn như Đức, Trung Quốc. Vì thế, cần nhanh chóng hoàn thiện pháp luật về kinh tế tuần hoàn. Định hướng xây dựng và phát triển kinh tế tuần hoàn cần được thể hiện xuyên suốt và nhất quán trong chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách và pháp luật của Nhà nước về bảo đảm phát triển bền vững. Hoàn thiện pháp luật về kinh tế tuần hoàn khi thực hiện các cam kết bảo vệ môi trường trong EVFTA.

Hai là, hoàn thiện pháp luật về FDI, đặc biệt là FDI xanh

Thu hút và chuyển đổi từ FDI truyền thống, thâm dụng lao động, vốn và tài nguyên thiên nhiên sang FDI xanh, thâm dụng về công nghệ

hiện đại là xu hướng tất yếu của tất cả các quốc gia nhằm giảm phát thải khí nhà kính, mở rộng quy mô đầu tư phát triển năng lượng tái tạo và các lĩnh vực xanh, hướng đến mục tiêu phát thải ròng bằng “0”. Muốn vậy, cần luật hóa, thiết lập các định nghĩa pháp lý và tiêu chuẩn rõ ràng cho FDI xanh, đồng thời tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan để đơn giản hóa quy trình phê duyệt các dự án FDI xanh.

Ba là, tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện đồng bộ hệ thống pháp luật liên quan đến năng lượng, môi trường, đầu tư, đất đai, tài chính, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, bảo đảm hình thành khuôn khổ pháp lý thống nhất, ổn định, minh bạch và đủ linh hoạt để thúc đẩy chuyển đổi cơ cấu năng lượng và phát triển nền kinh tế các bon thấp

Ưu tiên hoàn thiện pháp luật về phát triển năng lượng tái tạo, năng lượng mới và sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả theo hướng ổn định, nhất quán và có tính dự báo cao. Trọng tâm là tháo gỡ các vướng mắc về quy hoạch, đầu tư, đất đai, đấu nối, truyền tải, giá điện, hợp đồng mua bán điện và cơ chế chia sẻ rủi ro để khơi thông các nguồn lực xã hội đầu tư vào năng lượng sạch.

Hoàn thiện cơ sở pháp lý về dự trữ năng lượng chiến lược, nhất là dự trữ dầu thô, xăng dầu và một số nguồn năng lượng thiết yếu khác, bảo đảm quy mô hợp lý, cơ chế vận hành linh hoạt và khả năng huy động kịp thời khi thị trường thế giới biến động bất thường.

Tăng cường cơ chế giám sát tối cao của Quốc hội đối với việc thực hiện các chiến lược, quy hoạch, chương trình và chính sách lớn về an ninh năng lượng, chuyển đổi năng lượng và phát triển nền kinh tế các bon thấp. Việc giám sát phải hướng tới bảo đảm tính nhất quán giữa mục tiêu ngắn hạn là ổn định nguồn cung, bình

ổn giá năng lượng với mục tiêu dài hạn là tái cơ cấu năng lượng và thực hiện cam kết phát thải ròng bằng không, tránh tình trạng xử lý tình huống trước mắt nhưng làm chậm tiến trình chuyển đổi chiến lược.

c) Kiến nghị với Chính phủ

Khẩn trương thể chế hóa và tổ chức thực hiện có hiệu quả các chủ trương của Đảng, chính sách của Quốc hội về chuyển đổi cơ cấu năng lượng, phát triển nền kinh tế các bon thấp và thực hiện mục tiêu phát thải ròng bằng không. Chính phủ cần xây dựng lộ trình cụ thể, phân công rõ trách nhiệm giữa các bộ, ngành, địa phương, bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ, thống nhất và thông suốt trong chỉ đạo, điều hành. Đây là yêu cầu đặc biệt quan trọng nhằm khắc phục tình trạng chồng chéo về thẩm quyền, phân tán nguồn lực và thiếu nhất quán trong tổ chức thực hiện. Tiếp tục hoàn thiện thể chế phục vụ chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, tăng trưởng xanh, phát triển kinh tế các bon thấp; hoàn thiện cơ chế thu hút nguồn lực cho chuyển đổi xanh; nghiên cứu, phát triển công nghệ mới để giảm phát thải, chuyển đổi năng lượng; đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, nắm bắt công nghệ mới để thực hiện các mục tiêu chuyển đổi xanh và chuyển đổi năng lượng công bằng. Cụ thể:

Một là, hoàn thiện chính sách về tăng trưởng xanh, kinh tế xanh nhằm tạo động lực tăng trưởng mới.

Phát triển công nghệ xanh, “xanh hóa” các ngành công nghiệp hiện có và thúc đẩy các ngành công nghiệp xanh, đẩy mạnh cơ cấu công nghiệp để tăng cường dịch vụ và xây dựng cơ sở cấu trúc hạ tầng cho nền kinh tế xanh. Đặc biệt, cần có chính sách để giảm phát thải trong ngành logistic.

Hai là, hoàn thiện thể chế phát triển thị trường tín chỉ các bon.

Dự báo nhu cầu tín chỉ các bon của thế giới sẽ tăng gần 100 lần vào năm 2050. Phát triển thị trường các bon sẽ kiểm soát được khoảng 1 tỷ tấn CO₂. Đây là cơ hội lớn cho Việt Nam và các địa phương khi có sự chuẩn bị và tham gia tích cực vào thị trường này. Để phát triển và vận hành đồng bộ thị trường tín chỉ các bon cần tiếp tục hoàn thiện thể chế để tạo hàng hóa cho thị trường; thúc đẩy các chủ thể tham gia vào thị trường, hoàn thiện các phương thức giao dịch và sàn giao dịch.

Bên cạnh truyền thông, hướng dẫn cụ thể cho các địa phương, doanh nghiệp, Chính phủ cần hoàn thiện hành lang pháp lý một cách đầy đủ và đồng bộ, từ trên xuống dưới, cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các bộ, ngành và địa phương trong hoàn thiện thể chế, chuẩn hóa dữ liệu phát thải và nâng cao năng lực cho doanh nghiệp. Đồng thời, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền cho các địa phương, hướng dẫn lồng ghép chiến lược phát triển thị trường tín chỉ các bon vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Chính phủ cần sớm ban hành các chính sách hỗ trợ cụ thể nhằm khuyến khích các doanh nghiệp tham gia và chuyển đổi sang sản xuất các sản phẩm, hàng hóa các bon thấp, hàng hóa ngành công nghiệp môi trường.

Ban hành thống nhất cơ chế chính sách quản lý tín chỉ các bon nông nghiệp, lâm nghiệp, xác định rõ hàm lượng các bon trong hàng hóa.

Ban hành sớm các thông tư hướng dẫn kỹ thuật chi tiết về kiểm kê khí nhà kính, cấp tín chỉ các bon, vận hành thị trường các bon. Thiết lập cơ chế phối hợp liên ngành và phân cấp rõ ràng trách nhiệm giữa các cấp chính quyền.

Đẩy nhanh hoàn thiện thể chế về thị trường các bon và cơ chế tài chính xanh nhằm tạo động lực kinh tế cho quá trình chuyển đổi xanh, hoàn thiện các quy định về kiểm kê phát thải, phân bổ hạn ngạch, giao dịch tín chỉ các bon, đo lường,

báo cáo và thẩm định phát thải; đồng thời tạo cơ sở pháp lý cho phát triển tín dụng xanh, trái phiếu xanh, quỹ đầu tư xanh và các công cụ tài chính dài hạn cho các dự án công nghệ sạch, năng lượng tái tạo và hạ tầng chuyển đổi xanh.

Ba là, hoàn thiện các chính sách về tài chính và chính sách về môi trường

Theo ước tính của Ngân hàng Thế giới, Việt Nam cần khoảng 368 tỷ USD cho giai đoạn 2022 - 2040 để đạt được các mục tiêu về tăng trưởng xanh, chuyển đổi xanh bao trùm gắn với chống biến đổi khí hậu, tương đương khoảng 6,8% GDP mỗi năm, trong đó 65% nhu cầu này sẽ phải được huy động ngoài khu vực công. Trái phiếu xanh là kênh huy động vốn trung và dài hạn hiệu quả, đang là xu hướng trên thế giới. Tuy nhiên, đến nay khung pháp lý về trái phiếu xanh còn chưa đồng bộ. Vì thế, Chính phủ cần hoàn thiện khung pháp lý (như ban hành Luật Tài chính xanh, hoặc sửa Luật chứng khoán để quy định riêng về trái phiếu xanh); xây dựng bộ tiêu chuẩn quốc gia về phân loại xanh; có chính sách ưu đãi thuế thu nhập hoặc giảm chi phí niêm yết cho đơn vị phát hành trái phiếu xanh hoặc miễn giảm thuế thu nhập từ lãi trái phiếu xanh; thành lập quỹ bảo lãnh trái phiếu xanh. Khẩn trương nghiên cứu phát triển thị trường trái phiếu xanh Chính phủ; đồng thời tăng cường tính minh bạch và giám sát trong việc đánh giá tác động môi trường định kỳ sau phát hành.

Đẩy nhanh hơn nữa chính sách thuế các bon trong xu hướng phát triển kinh tế xanh. Chính phủ có thể sử dụng nguồn thu từ thuế các bon để đầu tư trở lại cho việc bảo vệ và nâng cao chất lượng môi trường, bảo đảm mục tiêu tăng trưởng xanh, giảm thiểu hiệu ứng nhà kính và phát thải khí CO₂.

Có cơ chế ưu tiên vốn cho các dự án năng lượng tái tạo, công nghệ sạch, tiết kiệm năng

lượng, đổi mới công nghệ trong các ngành tiêu thụ năng lượng lớn; đồng thời nghiên cứu cơ chế hỗ trợ phù hợp cho doanh nghiệp trong quá trình thích ứng với các tiêu chuẩn xanh ngày càng khắt khe của thị trường quốc tế.

Bốn là, xây dựng kế hoạch hành động để thu hút nguồn lực đầu tư xanh

Xây dựng kế hoạch hành động để vận động sự hỗ trợ của quốc tế dành cho Việt Nam phát triển kinh tế tuần hoàn, chuyển đổi năng lượng và ứng phó biến đổi khí hậu thông qua hợp tác song phương, đa phương, nắm bắt tối đa cơ hội chuyển giao công nghệ và hỗ trợ tài chính quốc tế để áp dụng chuỗi công nghệ không phát thải như hệ thống lưu trữ điện năng. Thu hút nguồn lực, khuyến khích các tổ chức, cá nhân thực hiện ứng phó với biến đổi khí hậu và chuyển đổi năng lượng; khuyến khích doanh nghiệp giảm phát thải khí nhà kính, tiết kiệm năng lượng, phát triển mô hình sản xuất thân thiện môi trường.

Chính phủ chỉ đạo Ngân hàng nhà nước sớm ban hành các văn bản, hướng dẫn cụ thể nhằm hoàn thiện hành lang pháp lý để thúc đẩy nguồn tài chính xanh. Ngân hàng nhà nước cần rà soát những quy định về tín dụng xanh theo hướng cụ thể và tăng cường các yếu tố tạo động lực cho các tổ chức tín dụng khi cung cấp tín dụng xanh.

Năm là, chú trọng phát triển nguồn nhân lực, khoa học công nghệ và năng lực đổi mới sáng tạo phục vụ chuyển đổi năng lượng và phát triển nền kinh tế các bon thấp.

Có chính sách đủ mạnh để hỗ trợ các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu, doanh nghiệp công nghệ và trung tâm đổi mới sáng tạo tham gia phát triển công nghệ năng lượng mới, công nghệ lưu trữ, lưới điện thông minh, hydrogen, thu giữ và lưu trữ các bon. Đồng thời, tăng cường công tác truyền thông, định hướng xã hội và tạo đồng thuận trong toàn hệ thống chính trị,

cộng đồng doanh nghiệp và người dân về yêu cầu chuyển đổi năng lượng và phát triển nền kinh tế các bon thấp.

3. Kết luận

Bảo đảm các điều kiện xây dựng nền kinh tế các bon thấp, hướng tới phát thải ròng bằng không vào năm 2050 phải được thực hiện đồng bộ, trong đó thể chế giữ vai trò dẫn dắt, nguồn lực là nền tảng, khoa học công nghệ là động lực, mô hình tăng trưởng xanh và thông minh là phương thức hiện thực hóa, hội nhập quốc tế là điều kiện mở rộng nguồn lực, công nghệ, thị trường và năng lực cạnh tranh. Các yếu tố này gắn bó chặt chẽ, tác động qua lại và không thể tách rời.

Việt Nam đã từng bước hoàn thiện chủ trương, chính sách, thúc đẩy chuyển dịch năng lượng, phát triển kinh tế xanh và mở rộng hợp tác quốc tế. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều hạn chế về thể chế, cơ chế điều phối, năng lực tài chính, chất lượng nguồn nhân lực và trình độ khoa học công nghệ. Để tháo gỡ các điểm nghẽn này, kiến nghị Bộ Chính trị tiếp tục hoàn thiện định hướng chiến lược; Quốc hội đẩy mạnh thể chế hóa các chủ trương lớn; Chính phủ nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện, xây dựng cơ chế huy động và phân bổ nguồn lực phù hợp, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, phát triển thị trường các bon, đẩy nhanh chuyển đổi năng lượng và chuyển đổi số □

Ngày nhận: 31/3/2026;

Ngày bình duyệt: 01/5/2026;

Ngày quyết định đăng: 22/7/2026.

Email tác giả: truongmynhan76@gmail.com

Tài liệu tham khảo:

Báo Chính phủ (2023). *Năng lượng tái tạo có tiềm năng đóng góp lớn vào GDP của Việt Nam.* <https://baochinhphu.vn>.

Phạm Minh Chính (2024). *Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay.* <https://baochinhphu.vn>.

ĐCSVN (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII (Tập I).* Nxb Chính trị quốc gia Sự thật.

Đại Kim (2025). *Kinh tế địa phương và tín chỉ carbon.* <https://nhandan.vn>.

Đào Nhật Đình (2024). *Năm nước phát thải hàng đầu và Việt Nam trên hành trình tới Net zero.* <https://nangluongvietnam.vn>.

Grainger, A., & Smith, G. (2021). *The role of low carbon and high carbon materials in carbon neutrality science and carbon economics, Current Opinion in Environmental Sustainability.*

Ganti, G., Gasser, T., Bui, M., Geden, O., & etc (2024). *Evaluating the near- and long-term role of carbon dioxide removal in meeting global climate objectives.*

Hoàng Nguyễn (01-05-2025). *GDP 2024 đạt 475 tỷ USD, Việt Nam cần bao lâu để vượt mốc 1.000 tỷ USD?* <https://cafef.vn>.

Hoàng Yến (2024). *Hiệu quả nguồn lực sụt giảm khi chính sách gánh quá nhiều mục tiêu.* <https://thoibaotaichinhvietnam.vn>.

Huỳnh Thị Lan Hương (2021). *Phát thải ròng bằng “0” - Mục tiêu không thể trì hoãn.* <https://nongnghiep-moitruong.vn>.

Huyền Vy (2021). *Tiêu tốn năng lượng, hiệu quả chưa cao, vì sao?* <https://vneconomy.vn>.

Lê Anh Tú, Lương Thanh Hải (2024). *Chuyển đổi số, chuyển đổi xanh cho phát triển bền vững.* <https://vioit.org.vn/>.

Thư viện Pháp luật (2025). *GDP Việt Nam năm 2024 đạt 476,3 tỷ USD, đứng thứ 33 thế giới.* <https://thuvienphapluat.vn>.

Nguyễn Phan Yến Phương (2025). *Tài chính xanh doanh nghiệp - Giải pháp phát triển bền vững tại Việt Nam.* <https://tapchinganhang.gov.vn>.

Fankhauser, S., & cộng sự (2021). *The meaning of net zero and how to get it right.*